

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phép cắt đê để thi công công và các hạng mục công trình liên quan đến đê điều thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho Quan – Tam Điệp (Quỳnh Lưu – QL38B – Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.479 (giai đoạn I)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2016; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 792/TTr-SNNMT ngày 31/12 /2025;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Ninh Bình cắt đê để thi công công và các hạng mục công trình liên quan đến đê điều thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho Quan – Tam Điệp (Quỳnh Lưu – QL38B – Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.479 (giai đoạn I), với những nội dung sau:

1. Vị trí và quy mô các công qua đê

1.1. Vị trí và quy mô cắt xê đê: Cắt đê để thi công 14 công qua đê Hữu sông Bến Đàng, điểm đầu dự án tại trạm bơm Sơn Đông tại K0+000 đến điểm cuối K7+675 thuộc Phường Yên Sơn và phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

(1) Công xả TB Sơn Đông tại Km0+34,13 và Công Sơn Đông tại Km0+50,88

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng tại công Km0+34,13: (+0,65)m

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng tại công Km0+50,88: (-2,10)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng công Km0+34,13: 7,1m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng công Km0+50,88: 6,6m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 38,22 (m)

(2) Cống xả TB Sơn Tây tại Km2+106 và Cống Sơn Tây tại Km2+126.72.

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng cống Km2+106: (+0,90)m

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng cống Km2+126.72: (-2,10)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng cống Km2+106: 7,6 (m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng cống Km2+126.72: 5,6 (m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 36,43 (m)

(3) Cống tại Km1+570.46

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-1,60)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 7,8 (m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 23,8 (m)

(4) Cống tại Km2+720.17

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-2,30)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 17,3(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 27,69 (m)

(5) Cống tại Km3+061.17

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-2,30)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 17,7(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 34,85 (m)

(6) Cống tại Km3+448.50

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-1,20)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 7,3(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 20,9 (m)

(7) Cống tại Km3+583.89

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-1,20)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 7,4(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 25,41 (m)

(8) Cống tại Km4+235.23.

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-1,20)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 7,3(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 20,41 (m)

(9) Cống Km5+502,92 và cống Km5+973,29.

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-0,6)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 7,3(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 18,1 (m)

(10) Cống lấy nước trạm bơm Sơn Hà 1 tại Km6+088,08.

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-1,30)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 5,8(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 17,22 (m)

(11) Cống tại Km6+398,16.

+ Cao trình cắt đê tại đáy hố móng: (-0,6)m

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại đáy hố móng: 5,6(m)

+ Chiều dài cắt đê (theo chiều dọc đê) tại mặt đê: 19,55 (m)

1.2. Quy mô xây dựng

+ Cống hộp khẩu độ $B < 2\text{m}$: Thân cống bằng cấu kiện BTCT M250 đổ tại chỗ; tường đầu, tường cánh, sân cống bằng BTCT M250; móng cống bằng BTCT M250, lớp đệm móng bằng BTXM M100 dày 10cm. Móng cống đặt trên nền thiên nhiên hoặc gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ đóng cọc 25 cọc/m² (phần thân cống), 16 cọc/m² (phần sân cống) tùy theo điều kiện địa chất từng cống. Giàn van bằng BTCT M250, cánh phai bằng thép hình, vận hành đóng mở bằng vít nâng

+ Cống hộp khẩu độ $B \geq 2\text{m}$: Thân cống bằng cấu kiện BTCT M300 đổ tại chỗ; tường đầu, tường cánh, sân cống bằng BTCT M300; móng cống bằng BTCT M300, lớp đệm móng bằng BTXM M100 dày 10cm. Móng cống đặt trên nền thiên nhiên hoặc nền gia cố (cọc tre hoặc cọc BTCT): cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m² (phần thân cống) và 16 cọc/m² (phần sân cống); Cọc BTCT M300 kích thước (30x30)cm. Giàn van bằng BTCT M300, cánh phai bằng thép hình, vận hành đóng mở bằng vít nâng, thang cầu công tác bằng thép.

+ Gia cố mái taluy đường hai đầu cống tại các vị trí xây dựng cống hộp, kết cấu gia cố mái taluy và chân khay bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, đối với mái taluy phía ruộng chân khay được cấu tạo bằng tường chắn đá hộc xây vữa xi măng M100 để hạn chế đắp lấn ra kênh, chân khay đặt trực tiếp trên nền thiên nhiên.

2. Các hạng mục liên quan đến đê điều

2.1. Tuyến đường nâng cấp đê hữu sông Bến Đang

Xây dựng tuyến đường đi trùng với đê hữu sông Bến Đàng đoạn tuyến K0+000 – K7+500. Xây dựng nền, mặt đường theo quy mô dự án đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe cơ giới, vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$, cụ thể: Bề rộng nền đường $B_{nền}=9,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng mặt đường $B_{mặt}=7,0\text{m}$; Bề rộng lề gia cố $B_{lgc}=1,0\text{m}$; Bề rộng lề đất $B_{lề\ đường}=1,0\text{m}$. Đắp nền đường bằng đất lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp tiếp giáp đáy móng kết cấu áo đường chiều dày 50cm đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$. Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M350, dày 20cm, lớp vải địa kỹ thuật; móng cấp phối đá dăm

2.2. Nút giao, đường giao

- Thiết kế 03 nút giao gồm:

+ Nút giao đầu tuyến giao với dự án Kiên cố hóa bờ kênh gặt lũ và kết hợp nâng cấp bê tông hóa mặt đê phía Nam sông Bến Đàng trên địa bàn xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp đang triển khai .

+ Nút giao với đường trục xã Sơn Hà (Km3+160); Nút giao cuối tuyến (Km7+685) giao với Quốc lộ 38B (Km141+676).

- Đường giao: Các vị trí giao cắt với đường ngang dân sinh được vượt nổi vào đường hiện trạng đảm bảo êm thuận, bán kính rẽ $R=(3-15)\text{m}$. Kết cấu vượt nổi đường ngang dân sinh giống với kết cấu tuyến chính.

2.3. Hệ thống hoàn trả kênh mương thủy lợi

Tại các vị trí kênh, mương thủy lợi phía trái tuyến bị ảnh hưởng bởi dự án, tiến hành thi công hoàn trả đảm bảo khả năng thoát nước của kênh dẫn nước tưới tiêu về 2 trạm bơm Sơn Đông và Sơn Tây và các vị trí cống hợp thoát nước ngang trên tuyến, lý trình, kích thước các đoạn kênh hoàn trả cụ thể như sau:

- Các đoạn hoàn trả kênh dẫn nước về 2 trạm bơm Sơn Đông và Sơn Tây đoạn từ K0+058,34 - K2+664,89 dài là 2210,66 (m); Bề rộng đáy kênh $B=5,0\text{m}$; độ dốc mái ta luy phía ruộng 1/1, độ dốc mái taluy phía đường 1/2; cao độ đáy kênh (-1,0).

- Các đoạn kênh hoàn trả kênh hiện trạng đoạn từ K2+838,09 đến K6+460 dài 208,93 (m); Bề rộng đáy kênh $B=5,0\text{m}$; độ dốc mái ta luy phía ruộng 1/1, độ dốc mái taluy phía đường 1/2 cao độ đáy kênh theo cao độ đáy kênh hiện trạng

2.4. Xây dựng đê quai ngăn nước để phục vụ thi công 14 cống qua đê.

Đắp đê quai, đất đắp K85, bề rộng mặt đê quai $B_m=1,5\text{m}$; cao trình đê quai từ (+1,75)m đến (+2,5)m.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo)

II. Thời gian thi công

Kể từ khi có quyết định cấp phép và hoàn thành trước ngày 31/12/2027 (trong đó không thi công các hạng mục đào, cắt xẻ đê trong mùa mưa lũ từ ngày 01/5 đến ngày 31/10 hàng năm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Một số quy định đối với đơn vị được cấp giấy phép (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Ninh Bình):

- Chỉ khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp phép theo quy định của Luật Đê điều mới được triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến đê điều. Thực hiện đúng theo các nội dung văn bản, hồ sơ cấp phép; khi cần điều chỉnh, thay đổi nội dung của giấy phép thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận; tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về Đê điều, phòng chống thiên tai và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trước khi cắt đê phải hoàn thành việc đắp đê quai và đảm bảo an toàn trong quá trình thi công và giao thông khi cắt đê. Sau khi thi công hoàn thành công trình đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai mới được tháo dỡ đê quai.

- Xây dựng, phê duyệt quy trình quản lý vận hành công trình trước khi đưa vào sử dụng.

- Xây dựng biểu đồ tiến độ thi công chi tiết, biện pháp thi công cụ thể; tổ chức thi công công trình theo thiết kế, tiến độ đã được phê duyệt và các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng, mỹ thuật. Có phương án đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp cho khu vực bị ảnh hưởng trong thời gian triển khai thi công xây dựng công trình.

- Chủ đầu tư, đơn vị thi công chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục những sự cố, hư hỏng đê điều do việc thi công công trình gây ra. Đồng thời, xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án đảm bảo an toàn chống lũ trong quá trình thi công; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, đê điều và công trình trong quá trình thi công, chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện, nhân lực để kịp thời xử lý các tình huống có thể xảy ra đảm bảo an toàn đê điều, nhất là trong trường hợp có mưa, lũ.

- Tổ chức hướng dẫn giao thông, bố trí đèn tín hiệu, lắp đặt đầy đủ biển báo giao thông, biển báo quy định tải trọng đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông trên đê. Việc sử dụng xe cơ giới phục vụ thi công trên đi trên đê tuân thủ quy định của pháp luật về đê điều, tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê quy định tại Thông tư 54/2013/TTBNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Rà soát, phê duyệt quy trình quản lý vận hành; lập phương án bảo vệ, sẵn sàng hộ đê trong mùa mưa lũ hàng năm cũng như trong trường hợp xảy ra sự cố mất an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng.

- Trước khi thi công, phải thông báo cho Chi cục Thủy lợi Ninh Bình đề bố trí lực lượng giám sát quá trình thi công. Trong quá trình thi công chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi cục Thủy lợi Ninh Bình, các Hạt Quản lý đê Yên

Khánh, Hoàng Long Hoa Lư, UBND phường Yên Sơn, UBND phường Tây Hoa Lư và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành công trình hoàn trả lại mặt bằng, thanh thải vật liệu, phế thải và vệ sinh môi trường khu vực thi công và hoàn trả bãi sông, lòng sông. Đồng thời, phải gửi hồ sơ hoàn công về các Hạt Quản lý đê Yên Khánh, Hoàng Long Hoa Lư để quản lý, theo dõi.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nội dung đã được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Ninh Bình; Chủ tịch UBND các phường: Yên Sơn, Tây Hoa Lư; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, VP4.
Bh_VP3_QĐ04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

